| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BA TRI**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 50/2022/QĐST - DS | *Ba Tri, ngày 20 tháng 9 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 91/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022.

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1954.**

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

***- Bị đơn:***

**1 - Ông Phan Văn H, sinh năm 1962**

**2 - Bà Đặng Thị N, sinh năm 1963.**

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1 - Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1949.

Địa chỉ: 140/AT1, ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2 - Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1956.

Địa chỉ: số 17 ấp E, xã F, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3 - Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 416/ATH, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

4 - Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954.

5 - Ông Nguyễn Minh L1, sinh năm 1979.

6 - Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1981.

7 - Bà Nguyễn Thị Phụng T1, sinh năm 1985.

8- Ông Nguyễn Long U, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

9 - Bà Nguyễn Thị Ngân T2, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

10 - Bà Nguyễn Thị Trúc U1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp H, xã I, huyện J, tỉnh Bình Phước.

(Bà D, ông P, bà T1, ông U, bà T2, bà U1 củng ủy quyền cho ông L1)

**2**. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1** Bị đơn bà Đặng Thị N, ông Phan Văn H có nghĩa vụ giao lại cho nguyên đơn bà Lê Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh L1, ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị Phụng T1, ông Nguyễn Long U, bà Nguyễn Thị Ngân T2, bà Nguyễn Thị Trúc U1 phần đất diện tích qua đo đạc thực tế là 1.870,8 $m^2$ đất thuộc một phần thửa 91, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre) – Đất tại vị trí phần (1) Họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 01/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (có họa đồ kèm theo).

**2.2** Nguyên đơn bà Lê Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh L1, ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị Phụng T1, ông Nguyễn Long U, bà Nguyễn Thị Ngân T2, bà Nguyễn Thị Trúc U1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đặng Thị N, ông Phan Văn H 03 cây vàng 24 KR (30 chỉ vàng 24 KR);

Nguyên đơn bà Lê Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh L1, ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị Phụng T1, ông Nguyễn Long U, bà Nguyễn Thị Ngân T2, bà Nguyễn Thị Trúc U1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đặng Thị N, ông Phan Văn H số tiền lãi và số tiền vay theo thỏa thuận của đôi bên là 89.933.000đ (Tám mươi chín triệu, chín trăm ba mươi ba ngàn đồng).

**2.3** Thời gian đôi bên có nghĩa vụ giao đất, thanh toán tiền cho nhau là vào ngày 12 tháng 10 năm 2022.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền đã nêu trên chưa được thi hành sẽ được tính lãi suất theo quy định tại Khoản 2

Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành án xong.

**2.4** Chi phí tố tụng trong vụ kiện: 4.572.000đ (Bốn triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn đồng) nguyên đơn đồng ý nộp và đã nộp xong.

**3.** Án phí dân sự hòa giải thành có giá ngạch được giảm 50% trong vụ kiện là: (30 chỉ vàng 24 KR x 5.200.000đ/chỉ vàng + 89.933.000đ) = 6.148.325đ (Sáu triệu, một trăm bốn mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi lăm đồng) bà Lê Thị T đồng ý nộp. Bà Lê Thị T thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp số tiền 3.074.162đ (Ba triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn một trăm sáu mươi hai đồng); Bà T còn phải nộp tiếp số tiền án phí 3.074.162đ (Ba triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn một trăm sáu mươi hai đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị N, ông Phan Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004167 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**5.** Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Rẻn**